

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH**Về việc duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện
Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 2)****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 20/4/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 và Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3531/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 575/TTr-TNMT ngày 24/8/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Lâm Thao với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là: 5.741,47 ha, giảm 112,44 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa là: 3.229,43 ha, giảm 104,88 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Trong đó: Diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 2.859,16 ha, giảm 104,74 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 546,07 ha, giảm 6,25 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 1.099,14 ha, giảm 0,38 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản là: 592,08 ha, giảm 0,93 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là: 4.071,91 ha, tăng 112,45 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất thương mại dịch vụ là: 33,6 ha, tăng 1,56 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 127,46 ha, giảm 0,26 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng là: 1.400,95 ha, tăng 74,92 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại nông thôn là: 705,11 ha, tăng 36,25 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại đô thị là: 153,17 ha, giảm 0,02 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng là: 22,03 ha, giảm 0,01 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh phê duyệt

Phụ biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Lâm Thao

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch đã duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh Kế hoạch (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		9.835,41	9.835,41	
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.853,91	5.741,47	-112,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.334,31	3.229,43	-104,88
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.963,90</i>	<i>2.859,16</i>	<i>-104,74</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	552,32	546,07	-6,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.099,53	1.099,14	-0,38
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	224,52	224,52	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	593,01	592,08	-0,93
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,23	50,23	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.959,46	4.071,91	112,45
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,86	20,86	
2.2	Đất an ninh	CAN	28,90	28,90	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch đã duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh Kế hoạch (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	96,54	96,54	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,06	33,63	1,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	127,72	127,46	-0,26
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	2,99	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	71,53	71,53	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.326,04	1.400,95	74,92
-	Đất giao thông	DGT	756,45	780,95	24,50
-	Đất thủy lợi	DTL	363,58	376,25	12,67
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,15	2,52	0,37
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,30	3,46	0,16
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	52,41	54,29	1,88
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	16,80	22,01	5,21
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,51	2,52	0,01
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,69	0,69	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,97	8,97	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,37	1,37	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,74	15,74	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	90,31	94,06	3,75
-	Đất chợ	DCH	5,72	5,72	
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,02	14,02	
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,21	1,21	
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	668,86	705,11	36,25
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	153,19	153,17	-0,02
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,56	12,56	
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08	
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,85	8,85	
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	1.311,72	
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	78,79	78,79	
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	3,55	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,04	22,03	-0,01

1.2. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Tổng số dự án điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Lâm Thao là 05 dự án, trong đó: Dự án bổ sung mới: 04 dự án; Dự án điều chỉnh: 01 dự án.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Lâm Thao; tham mưu thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Lâm Thao có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND huyện Lâm Thao, Công ty Điện lực Phú Thọ và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Trọng Tấn;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN2 (H-12b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích tăng thêm (ha)	Loại đất lấy vào												Căn cứ thực hiện dự án	
				LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	DGT	DTL	NTD	SKC	TMD	ONT	ODT		CSD
I	Loại đất thu hồi, chuyển MĐSDĐ theo kế hoạch đã được duyệt		0,01	0,01													
1	Chống quá tải đường dây 6kV lộ 671 trung gian Vĩnh Mộ, tỉnh Phú Thọ	Huyện Lâm Thao	0,01	0,01													Quyết định số 3531/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ
II	Nội dung điều chỉnh, bổ sung		0,02	0,01		0,005	0,005										
1	Chống quá tải đường dây 6kV lộ 671 trung gian Vĩnh Mộ, tỉnh Phú Thọ	Huyện Lâm Thao	0,02	0,01		0,005	0,005										Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ